



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # _____
VEWL.# _____
I-171 : Yes

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM	<u>HOÀN</u> Last	<u>NGOC</u> Middle	<u>TRẦN</u> First
Current Address	<u>98/2 VÕ DŨNG village GIÁ KIÊN commune ĐÔNG NAI TOWN</u>		
Date of Birth	<u>November 8th 1963</u>	Place of Birth	<u>QUẬN LIÊU village BŨI CHU TOWN</u>
Previous Occupation (before 1975) (Rank & Position)	<u>First Lieutenant Education officer, political trainer</u>		
2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP	Dates : From <u>July 5th 1975</u> To <u>October 2nd 1981</u>		
3. SPONSOR'S NAME:	Name _____ Address & Telephone _____		
4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.	Name, Address & Telephone _____ Relationship _____ _____ _____ _____		

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: _____

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) :

(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
DUYÊN NGUYỄN THỊ	December 12 th 1950	Wife
ORANG ORANG TRẦN THỊ TRANG	August 6 th 1982	Daughter
HẢI TRẦN THẾ	November 23 th 1984	Son
ÂN TRẦN THIÊN	September 17 th 1982	Son

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten Tu-nhan) : TRẦN NGỌC HOÀN
DATE, PLACE OF BIRTH : Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten gọi)
(Nam, noi sinh) : November 2th 1963
Month (Thang) Day (Ngày) Year (Năm)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): MALE Female (Nu): /

MARITAL STATUS Single (Doc than): / Married (Co lap gia dinh): M
(Tinh trang gia dinh):

ADDRESS IN VIETNAM : 98/2 Võ Đông Village GIÁ KIỂM Commune ĐÔNG NAI Town
(Dia chi tai Viet-Nam) South VIETNAM

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) X No (Khong)

If Yes (Neu co): From (Tu): July 5th 1985 To (Den): October 2nd 1988

PLACE OF RE-EDUCATION: TÂN LẬP K2 VINH PHÚ (North VIETNAM)
CAMP (Trai tu)

PROFESSION (Nghe nghiep): Education Officer, Political Trainer

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My):
VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac):
VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu):

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): 180 hồ sơ ngày 12/12/1984
IV Number (So ho so):
No (Khong):

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo):
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 98/2 Võ Đông Village
GIÁ KIỂM Commune ĐÔNG NAI Town South VN

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro):
THUẬN DINH NGUYỄN
HADEVILLE, GA USA

U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): No (Khong):

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): Cháu ruột

NAME & SIGNATURE: TRẦN NGỌC HOÀN
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay)

DATE: December 12th 1989
Month (Thang) Day (Ngày) Year (Năm)

3. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) :

(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
DUYÊN NGUYỄN THỊ	December 14 th 1950	Wife.
OANH OANH TRẦN THỊ TRẦN	August 6 th 1982	Daughter
HAI TRẦN THẾ	November 27 th 1984	Son
AN TRẦN THIỆN	September 17 th 1982	Son

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

ADDITIONAL INFORMATION :

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Trại Cải tạo - Lập

Số: 621/VP-TL

Số 323

1010101217171014101212

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số: 966/BCA/ BT ngày 31/5/1961 của Bộ Công an

Theo hành quyết của số: 127, ngày 28/3/1961 của: Bộ Nội vụ.

Nay cấp giấy tha cho anh có tên sau đây:

Họ tên khai sinh: Trần Ngọc Hoàn

Họ tên thường gọi:

Họ tên bí danh:

Sinh ngày tháng năm 1943

Nơi sinh: Quốc lộ, Nghĩa Hưng, Nam Định

Nơi ĐKKKT trước khi bị bắt: 98/2 Võ Đông, Gia Kiệm, Tổng

Vĩnh Mỹ, Đông Hải.

Cán tội: Trung úy sĩ quân sự lý chiến

Đã bị bắt: 9/3/1975, tại quê: 1701

Theo quyết định số: ngày tháng năm 1981 của:

Đã bị tước, nh: lần công thành năm tháng

Đã được giảm án: lần công thành năm tháng

Nay về cư trú tại: 98/2 Võ Đông, Gia Kiệm, Tổng Vĩnh Mỹ, Đông Hải.

Nghị quyết của trình CP:

Lưu, trình được tại 131, yên tâm coi tạo cho có biên hiện
sĩ hầu. Báo động đôi khi cũng biên có gắng do vậy mà, không có
lúc chưa đạt được, Nội qui, lực tập chưa có sai phạm gì lớn. Kếp
loại cải tạo trung bình.

Đã tay của trả lại. Họ tên chữ ký

Số: Trần Ngọc Hoàn, người được cấp giấy

Sinh năm:

Nay tại:

Ngày 2 tháng 10 năm 1971

Giới thiệu

Trần Ngọc Hoàn

Thị trấn Vĩnh Mỹ

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

BỘ TƯ-PHÁP

SỞ TƯ-PHÁP NAM-PHẦN

TÒA HÒA-GIẢI ĐO-THÀNH
SAIGON

Lục sao y bản chánh đề tại phòng Lục-Sự Tòa Hòa-Giải Saigon

Số 13.159

Y

Ngày 21 tháng 12 năm 19 60

GIẤY THẺ-VÌ KHAI-SANH CHO

TRAN NGOC HOAN

Năm một ngàn chín trăm 60 ngày 21 tháng 12 hồi 7 giờ 30.

Trước mặt chúng tôi là NGUYEN VAN DOANH Thẩm-Phán Tòa Hòa-Giải
Đô-Thành Saigon, tại văn-phòng chúng tôi, 115, Địa-Hộ Nguyễn-Huệ có Lục-sự
PHAM THI MUI, phụ-tá

ĐÁ TRINH DIỆN :

- 1.— O. DINH CHU TAP
- 2.— O. DINH THANH TAM
- 3.— O. NGUYEN HUU DIEN

Những nhân-chứng này đã tuyên-thệ và khai quả-quyết biết chắc

TRAN NGOC HOAN (nam) -

sinh ngày 08.11.1943 tại Quận-Liên, Bùi-Chu,
con của ông TRAN VAN HUU và bà NGUYEN THI TRON./-

Và duyên-cớ mà O. TRAN NGOC HUONG không có thể xin sao-lục
khai-sanh được, là vì sự giao thông gián đoạn.

Mấy nhân-chứng đã xác nhận trên đây, nên chúng tôi phát giấy thẻ-vì khai-sanh này
cho đương-sự đề xử dụng theo luật, chiếu theo Nghị-Định ngày 17 tháng 11 năm 1947
của Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-Thời Nam-Phần Việt-Nam. Các điều 363 và tiếp theo của
bộ hình-luật canh-cải phạt tội nguy-chứng về việc Hộ từ 2 đến 5 năm tù và phạt Lục
từ 200 đến 8.000 đồng đã được đọc cho các nhân-chứng và nguyên-dơn nghe.

Và các nhân-chứng có ký tên với chúng tôi và Lục-sự sau khi đọc lại.

Ký tên không rõ :



Lục-sao y,
Saigon, ngày 12 tháng I năm 19 61

Lục-Sự.

GIÁ TIỀN : 5\$00

Đã in và gửi 7/11 Ng-Đình-Châu, Saigon

Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

Kính gửi:
Ủy Ban nhân dân xã Gia Kiêm.

Ban Công An xã Gia Kiêm,
Kính thưa quý ban: ĐƠN XIN CHỨNG MẬT TÍCH
Tôi: Nguyễn Thị Duyên sinh năm 1950
Nguyên quán: Châu Bình Trại quân: 98/2 Võ
Đông Gia Kiêm.

Chồng tôi là: Trần Ngọc Hoàn Sinh,
năm 1943 Nguyên quán Nam Định Trại quân
98/2 Võ Đông Gia Kiêm ở thôn Nhất, Đông Nai.
là Sĩ Quan tâm lý chiến chế độ cũ
Cấp bậc trung úy, được nhà nước cho đi,
cải tạo ở Trại Tân Lập K2 Vĩnh Phú miền Bắc
thời gian là: 6 năm 3 tháng.

Bắt ngày 05.07.1975 thả ngày 02-10
1981. Được nhà nước khoan hồng cho về và
gia đình, khi về nhà chồng tôi có trình
điều Công An huyện Thủy Nhất và Công An
xã Gia Kiêm về đây nơi đây mang số:
627 do thiếu tá Bùi Văn Chiêu đã ký và
tổng dấu ngày 02-10-1981 tại Trại Tân Lập
K2 Vĩnh Phú miền Bắc, Chiêu theo quyết
định của Bộ Nội Vụ ngày 26.08.1981.

Chồng tôi được về sống với gia đình
tại 98/2 Võ Đông Gia Kiêm được 7 tháng chồng
tôi đi thành phố Hồ Chí Minh chơi lễ mất
tích kể từ ngày 01-05-1982 đến nay hơn
7 năm không biết hiện giờ đang hay chết.

Nay tôi làm đơn kính xin quý ban
chứng thực cho tôi là: chồng tôi đã bị mất
tích kể từ thời gian nói trên.



PH. 10. 1. 04

Đ. 1. 1. 1981

Ba nhân chứng có tên dưới đây làm chứng
cho lời khai của tôi là sự thật.

Võ Đông ngày 29-10-1989

nhân chứng thứ 1.

Én

Đàn thi Én

nhân chứng thứ 2

Lưu

Vũ thị Liên.
nhân chứng thứ 3

Uel

Vũ Ngọc Khiết.

Kính xin

Duyệt

Nguyễn thị Duyên.

Chị cả Gĩa Kiên.

X/à. Bà Nguyễn thị Duyên sinh
1950. Thường trú tại địa phương
có chứng tá. làm nghề hoàn lương
1943. Có đi học tập cải tạo từ
1975 đến 1981. sau khi được
giải oan năm 1981, sau khi học
tập cải tạo về được ở tháng
thứ nhất tích cho đến nay.

CHỖ CHỮ 30 Tháng 10 1989

THỦ LƯU



no pmul

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH HAY THÀNH PHỐ
TỈNH PHƯỚC-TÂY

QUẬN: PHƯỚC-DĨNH

XÃ: PHƯỚC-TĨNH

Số hiệu: 50

TRÍCH - LỤC

CHỨNG-THƯ HÔN-THƯ

Tên, họ người chồng TRẦN - NGUYỄN - HỒN
 nghề-nghiep Quản-lưu
 sanh ngày 08 tháng 11 năm 1943
 tại Quận-Liêu, Hải-Châu
 cư-sở tại Đại-lập Chiến-Trang Chính-Trị
 tạm-trú tại KHO. 4.543
 Tên, họ cha chồng Trần-văn-Nguyễn (s) 66 tuổi
 (Sống chết phải ghi rõ)
 Tên, họ mẹ chồng Nguyễn-thị-Trần (s) 66 tuổi
 (Sống chết phải ghi rõ)
 Tên, họ người vợ NGUYỄN - THỊ - BÌNH
 nghề-nghiep Học-Sinh
 sanh ngày 14 tháng 12 năm 1950
 tại Phước-Hải, Thái-Bình
 cư-sở tại Ấp Tân-Phước
 tạm trú tại Kho Phước-Tĩnh, Phước-Tuy
 Tên, họ cha vợ Nguyễn-Bình-Thường (s) 49 tuổi
 (Sống chết phải ghi rõ)
 Tên, họ mẹ vợ Nguyễn-thị-Huyền (s) 47 tuổi
 (Sống chết phải ghi rõ)
 — Ngày cưới Ngày 01 tháng 7 năm 1971
 — Vợ chồng khai có hay không lập hôn-kế /
 ngày / tháng / năm /
 tại /

Trích y bản chính

Phước-Dĩnh, ngày 10 tháng 7 năm 1971
 Viên-chức Hộ-tịch,

Phước-Tĩnh, ngày 10/7/1971



NGUYỄN-VĂN-TẠCH

Tòa Hòa- Giải Rộng- Quyền PL. XIKU

Tòa Hòa- Giải. Quận: KONTUM

GIẤY THẺ- VỊ KHAI SANH

Số 92/6/10/KT

Năm một ngàn chín trăm sáu mươi bốn

ngày hai mươi bảy tháng hai

giờ tám giờ ba mươi phút

TRƯỚC MẶT CHÚNG TÔI :

Trung- Ủy Ngã- Văn- Thanh

Quận- Trưởng kiêm Thẩm- phán Tòa Hòa- giải Quận KONTUM

Nguyễn- Đình- Long

Thư ký Hành- Chánh kiêm Lục- Sự giúp việc.

CÓ ĐẾN KHAI :

1 Nguyễn- Đình- Đạt 47 tuổi, kiểm tra số 01 3040

cấp tại KONTUM ngày 12 - 7 - 1962

Hiện cư trú tại ở Chung KONTUM

2 Trần Văn Cơ 36 tuổi, kiểm tra số 025895

cấp tại KONTUM ngày 13 - 4 - 1962

Hiện cư trú tại ở Chung Nghĩa KONTUM

3 Hà Văn Hương 44 tuổi, kiểm tra số 023452

cấp tại KONTUM ngày 13 - 7 - 1962

Hiện cư trú tại ở 5 đường Nghĩa KONTUM



Những người chứng nói trên, sau khi thề nói tất cả sự thật và chỉ có sự thật để khai và chứng nhận biết rõ :

NGUYỄN- THỊ- DUYỆT

sinh ngày hai bốn tháng mười hai năm một ngàn chín trăm năm mươi
(14 - 12 - 1950)

tại làng Hố- Việt (Hố- Việt) Tỉnh Thái- Bình

là con của Ông Nguyễn- Đình- Thông và Bà Nguyễn- Thị- Duyên

Các nhân chứng này quả quyết rằng NGUYỄN- THỊ- DUYỆT
không thể xuất nạp giấy Khai Sanh vì lẽ biến cố chiến tranh
giao thông gián đoạn, sổ Hộ tịch chánh quán bị phá hủy, bản chánh bị thất lạc.

Các người chứng đã nhận thực các lời khai ở trên, nên chúng tôi cấp giấy chứng
chỉ hể vì Thổ Vĩ Khố Xinh cho Nguyễn- Thị- Duyên để tiện dung.

Chiếu theo Điều 47 Bộ Luật Trung Nhân

Điều 337 Hình- luật Trung- phần phạt tội làm chứng gian về việc Hộ 3 tháng đến
1 năm tù và tiền phạt từ 30 đồng đến 120 đồng đã đọc cho nhân chứng và nguyên đơn nghe

Những người chứng sau khi nghe đọc Bản văn này đã ký tên cùng chúng tôi và
Lục- sự.

Người khai,
Nguyễn- Đình- Thông
(đã ký)

Những người chứng

1) Nguyễn- Đình- Luật (đã ký)

2) Trần Văn Cơ (đã ký)

3) Hà Văn Hương (đã ký)

Lục- sự
(đã ký)

Nguyễn- Đình- Long

Thẩm- phán
(đã ký)

PHẠM- VĂN- ANH

TRƯỚC CHỖ CHỨNG
ngày 27 tháng 4 năm 1964
Quận 1432
TP. 1432
An- Kỳ Đ can- Việt- Nam

[Signature]

THỊ - XÃ DALAT

ỦY - BAN HÀNH - CHÍNH

KHU PHỐ I DALAT



Số hiệu 1205 / Q13

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

HỘ - TỊCH

TRÍCH - LỤC BỘ KHAI - SANH

Năm một ngàn chín trăm bảy mươi hai (1972)

Nhà in DALAT



Tên, họ đưa nhỏ . . .	TRẦN THỊ ĐƯƠNG CẨM CẨM
Phái	Nữ
Sinh ngày nào . . .	Ngày sáu, tháng tám, năm một ngàn chín trăm bảy mươi hai.
Tại	Dalat
Tên, họ người cha . .	Trần Ngọc Hồn
Tuổi	1943
Nghề	Quân nhân
Trú tại	K.B.C 4648
Tên, họ người mẹ . .	Nguyễn Thị Duyên
Tuổi	1950
Nghề	Kỹ thuật
Trú tại	K.B.C 4648
Vợ chánh hay thứ . .	Chánh

Lập tại DALAT, Khu - Phố I ngày 14 tháng 8 năm 1972

TRÍCH - LỤC Y BỔN CHÍNH

DALAT, Khu - Phố I ngày 14 tháng 8 năm 1972

Chủ tịch kiêm Hộ - lại


20\$

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

THỊ - XÃ DALAT

PHƯỜNG I



Số hiệu 1006



TRÍCH - LỤC BỘ KHAI - SANH

Lập ngày 2 tháng 12 năm 1974

Tên họ đứa trẻ : TRẦN HỮU HẢI
Con trai hay con gái : Nam
Ngày sanh : ngày 29 tháng 11 năm 1974
Nơi sanh : DALAT
Tên họ người cha : TRẦN NGỌC HẸN
Tên họ người mẹ : NGUYỄN THỊ DUYỀN
Vợ chánh hay không có
hôn thú : o ảnh
Tên họ người đứng khai : người cha khai

TRÍCH LỤC Y BẢN CHÍNH

Dalat, ngày 29 tháng 12 năm 1974
VIÊN CHỨC HỘ TỊCH.

XE, TAY trên Cà phê

ТНІ ІД. Qnqn ТНІ ІД. Qnqn

Thành phố, Tỉnh Đà Nẵng Nam

Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

Môu HI2/P3

GIẤY KHAI SINH

SA 5686

Quyền số 03-

Họ và tên	Trần Văn An		Nam, nữ	Nam
Sinh ngày tháng, năm	17/10/1983 (Ngày bảy tháng chạp năm mới năm 1984)			
Nơi sinh	Xã Xuân			
KHAI VỀ CHA MẸ	CHA		MẸ	
Họ, tên, tuổi hoặc ngày, tháng, năm sinh	Trần Văn An 1942		Nguyễn Thị Huệ 1950	
Dân tộc	Việt Nam		Việt Nam	
Quốc tịch	Việt Nam		Việt Nam	
Nghề nghiệp	Bán Rượu		Bán Rượu	
Nơi ĐKNK thường trú	Ấp Võ Đông		Ấp Võ Đông	
Họ, tên, tuổi nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Trần Văn An Ấp Võ Đông - Xã Xuân Thị trấn - Huyện			



21 tháng 12 năm 1982

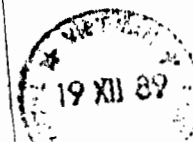
(Ký, đóng) dấu ghi rõ chức vụ

Богданов Иван

FROM:

NGUYỄN. THỊ. DUYỄN.

18¹/2E. VŨ DŨNG GIÀ KIỂM
THÔNG NHẬT - ĐÔNG NAI -
VIỆT NAM.



VIET-NAM

8 3 9 5 1

R

TO: BÃ KHUẾ - MINH-THU
P.O. 5435 ARLINGTON
22205 - 0635.
- U.S.A.

MAY BAY
PAR AVION

ARI 222

JAN 9 1990

699-30950